

Số: 339/2025/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107 và điều 110 Luật Hôn nhân và
Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 307/2025/TLST-VHNGĐ
ngày 03/3/2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con” gồm
những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông: **Trần Văn M**, Sinh năm: 1976,

2. Bà: **Bồ Thị Kim N**, Sinh năm: 1984,

Cùng địa chỉ: 3, Tổ E, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, bà Bồ Thị Kim N và ông Trần Văn M nộp đơn
yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình
vận động hòa giải, bà N và ông M thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân
dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận
thuận tình ly hôn vào ngày 24 tháng 3 năm 2025. Bà N và ông M cùng cư trú tại
thành phố B, tỉnh Đồng Nai; ông bà đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân
sự; Do đó, đơn yêu cầu của bà N và ông M được Tòa án nhân dân thành phố Biên
Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà Bồ Thị Kim N và ông Trần Văn M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2009 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 90 quyển số 01/2009, tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà N và ông M có 02 con chung là cháu Trần Trung N1, sinh ngày 23/4/2012 và Trần Nhật V, sinh ngày 17/4/2016. Sau khi ly hôn bà N và ông M thỏa thuận giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/02 con từ khi quyết định thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N1 và cháu V đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động. Về tài sản chung: bà N và ông M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà N và ông M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, bà N và ông M thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, bà N và ông M xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, bà N và ông M thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông bà đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của bà N và ông M.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Bồ Thị Kim N và ông Trần Văn M.

- Về con chung: Giao con 02 chung là cháu Trần Trung N1, sinh ngày 23/4/2012 và Trần Nhật V, sinh ngày 17/4/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/02 con từ khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N1 và cháu V đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông M có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Bô Thị Kim N và ông Trần Văn M mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0005882 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà N và ông M đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thành Thị Thu Trang